

Bản án số: **212/2022/DS-PT**

Ngày: 03-6-2022

V/v “*Tranh chấp quyền sử dụng đất, thừa kế quyền sử dụng đất, hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử P thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Tấn L.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị V

Bà Nguyễn Huỳnh T

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị B - Thư ký Tòa án nhân dân Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Ngọc T - Kiểm sát V.

Trong các ngày 03/3/2022, ngày 13/4/2022, ngày 05/5/2022 và ngày 03/6/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử P thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 173/2021/TLPT-DS, ngày 04 tháng 10 năm 2021, về việc: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất, thừa kế quyền sử dụng đất, hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 26/2021/DS-ST ngày 22 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử P thẩm số: 07/2022/QĐ-PT ngày 04 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Đoàn Thị K, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Tổ 15, ấp T, xã N, huyện C, Đồng Tháp.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Đoàn Thị K là bà Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1979 (có mặt); Địa chỉ: Số 633, tổ 20, ấp H, xã H, thành phố C, Đồng Tháp (Theo văn bản ủy quyền ngày 18/3/2022).

2. Bị đơn:

2.1. Đoàn Văn Đ, sinh năm 1936;

2.2. Đoàn Văn C, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Tổ 22, ấp N, xã N, huyện C, Đồng Tháp;

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Đoàn Văn Đ, ông Đoàn Văn C là ông Đoàn Văn P, sinh năm 1969 (có mặt); Địa chỉ: Số 441/b, tổ 9, ấp T, xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (Theo văn bản ủy quyền ngày 10/3/2021).

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn ông Đoàn Văn Đ, ông Đoàn Văn C:* Luật sư Vũ T – Công ty luật S - Đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Đoàn Thị C, sinh năm 1966;

Địa chỉ: Tổ 3, ấp 3, xã T, huyện C, Đồng Tháp.

Đại diện theo ủy quyền của bà Đoàn Thị C là bà Võ Thị N, sinh năm 1957 (có mặt); Địa chỉ: Số 157, Thiên Hộ Vương, phường 4, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (Theo văn bản ủy quyền ngày 09/3/2022).

3.2. Đoàn Văn P, sinh năm 1969 (có mặt);

Địa chỉ: Số 443, ấp T, xã T, thành phố C, Đồng Tháp.

3.3. Đoàn Văn C, sinh năm 1971 (có mặt ngày 03/3/2022, vắng mặt ngày 13/4/2022, ngày 05/5/2022 và ngày 03/6/2022);

Địa chỉ: Ấp 3, xã P, huyện C, Đồng Tháp.

3.4. Đoàn Thị C, sinh năm 1967;

Địa chỉ: Số 111, Tổ 3, ấp 3, xã T, huyện C, Đồng Tháp.

3.5. Đoàn Văn P, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Ấp 5, xã Mỹ Thọ, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

3.6. Nguyễn Đức D, sinh năm 1972;

3.7. Nguyễn Đức G, sinh năm 1996;

Cùng địa chỉ: Tổ 3, ấp 3, xã T, huyện C, Đồng Tháp.

Đại diện theo ủy quyền của bà Đoàn Thị C, ông Đoàn Văn P, ông Nguyễn Đức D và anh Nguyễn Đức G là bà Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1979 (có mặt); Địa chỉ: Số 633, tổ 20, ấp H, xã H, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (Theo văn bản ủy quyền ngày 18/6/2020; 03/9/2020 và ngày 18/3/2022).

3.8. Phạm Thị Hồng S, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Ấp N, xã N, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị Hồng S là ông Đoàn Văn P, sinh năm 1969 (có mặt); Địa chỉ: Số 443, ấp T, xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (Theo văn bản ủy quyền ngày 19/6/2020).

Người kháng cáo: Ông Đoàn Văn Đ, ông Đoàn Văn C là bị đơn, ông Đoàn Văn P, bà Đoàn Thị C là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Đoàn Thị K và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đoàn Thị C, bà Đoàn Thị C, ông Nguyễn Đức D, ông Nguyễn Đức G, ông Đoàn Văn P ủy quyền cho bà Nguyễn Ngọc D trình bày:

Ông Đoàn Văn Đ và bà Nguyễn Thị C chung sống có 07 người con gồm: Đoàn Thị C, Đoàn Thị C, Đoàn Văn P, Đoàn Văn C, Đoàn Thị K, Đoàn Văn P và Đoàn Văn C. Bà Nguyễn Thị C chết ngày 15/9/2018 không để lại di C. Ông Đ và bà C thừa hưởng đất ông bà để lại gồm: hai công đất ở nông thôn và cây lâu năm, mười công (tầm cắt) đất ruộng tại xã N và hai mươi lăm công (tầm cắt) đất ruộng tại xã P.

Trước đây, khi bà C còn sống, ông Đ và bà C có chia đất ruộng cho các con như sau: Ông Đoàn Văn P: 05 công tầm cắt tại xã P, nhưng ông P không nhận đất mà nhận 07 cây vàng 24 Kra (70 chỉ), có làm giấy nhận vàng; Ông Đoàn Văn C: 05 công tầm cắt tại xã P (cho vào năm 2002); Bà Đoàn Thị K: 05 công tầm cắt tại xã N (cho năm 2004). Ông C bán 05 công đất ở xã P cho bà K với giá 07 cây vàng 24 Kra, bà K đã giao đủ vàng ngày 22/4/2004. Bà K trực tiếp quản lý canh tác 10 công đất (Diện tích đất thực đo là 14.606,9m²) từ năm 2004 cho đến nay, nhưng C được đứng tên GCN QSD đất; Ông Đoàn Văn P: 07 công (9.296m²) tại xã P (cho năm 2013) và ông P đã đứng tên GCN QSD đất vào tháng 8/2016. Bà Đoàn Thị C và bà Đoàn Thị C được ông Đ, bà C cho mượn tiền mua đất ruộng tại xã T chứ không cho đất.

Hiện ông Đoàn Văn Đ đang đứng tên diện tích 26.458,2m² (đo đạc thực tế 26.861,8m²) đất chuyên trồng lúa nước, thửa 1895, tờ bản đồ số 07. Bà Nguyễn Thị C đứng tên diện tích 2.234m² (gồm 2.047m² đất ở nông thôn thửa 1443 và 187m² đất LNK thửa 1448) (đo đạc thực tế 1.965.5m² nay là thửa đất số 424) tờ bản đồ số 01 và 14.606,9m² (đo đạc thực tế 13.760,7m²) đất chuyên trồng lúa nước, thửa 83, tờ bản đồ số 09, đất tọa lạc tại xã N, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (phần đất này ông Đ, bà C cho ông C 05 công và bà K 05 công, bà K mua lại của ông C và canh tác 10 công này). Ngoài ra, bà C không còn có di sản nào khác.

Sau khi bà C chết, ông Đoàn Văn C chiếm lại 14.606,9m² (đo đạc thực tế 13.760,7m²) để canh tác vào tháng 11/2018. Bà K vừa xạ vụ Đông Xuân được vài ngày thì ông C đem giống vào xạ chồng lên và tiếp tục canh tác cho đến nay. Ông C đem dao đe dọa không cho bà K làm, bà K có trình báo Công an và nhờ Ủy ban nhân dân (UBND) xã N hòa giải nhưng không thành. Bà K bị thiệt hại tiền đầu tư xạ lúa là 3.801.000đ, gồm: Lúa giống 2.376.000đ, thuốc ngâm giống 160.000đ, 01 bao phân Urê 440.000đ, thuốc ốc 240.000đ, công xạ lúa 585.000đ.

Hiện nay diện tích đất 14.606,9m² (đo đạc thực tế 13.760,7m²) tại thửa 83 bà K chỉ sử dụng phần đất tại vị trí có căn nhà, chuồng heo và thu hoạch xoài, dừa. Phần đất lúa ông C đang quản lý canh tác.

Bà Đoàn Thị K yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau đây:

- Yêu cầu ông Đoàn Văn C trả cho bà Đoàn Thị K diện tích 14.606,9m² (đo đạc thực tế 13.760,7m²) đất chuyên trồng lúa nước, thửa 83, tờ bản đồ số 09, tọa lạc tại xã N, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà K yêu cầu Tòa án buộc những người trong hàng thừa kế của bà C tiếp tục giao phần đất này cho bà K vì bà C đã cho bà K phần đất này, trong thời gian bà C làm thủ tục tặng cho quyền sử dụng (QSD) đất cho bà K thì bà C chết, nên C làm xong thủ tục hợp đồng tặng cho QSD đất.

- Đối với diện tích 26.458,2m² (đo đạc thực tế 26.861,8m²) đất chuyên trồng lúa nước, thửa 1895, tờ bản đồ số 07, tọa lạc tại xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Bà K yêu cầu ông Đoàn Văn Đ và Đoàn Văn C chia 1/8 (diện tích 1.653,6m² theo đơn khởi kiện), nay yêu cầu được chia 1/8 là 1.678,8m² di sản thừa kế của mẹ là bà Nguyễn Thị C. Bà K yêu cầu được hưởng phần đất giáp với ông P.

- Đối với diện tích 2.234m² gồm 2.047m² đất ở nông thôn thửa 1443 và 187m² đất LNK thửa 1448, (đo đạc thực tế 1.965,5m² nay là thửa đất số 424) tờ bản đồ số 01. Bà K yêu cầu ông Đoàn Văn Đ và Đoàn Văn C chia 1/8 gồm diện tích 127,9m² đất ở nông thôn thửa 1443 và diện tích 11,68m² đất LNK thửa 1448, đất tọa lạc tại xã N, huyện C, tỉnh Đồng Tháp theo như đơn khởi kiện. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà K yêu cầu chia diện tích 115,0m² đất ở nông thôn là di sản thừa kế của mẹ là bà Nguyễn Thị C, đối với cây trồng trên đất bà K với ông C thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này, nếu sau này phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện bằng vụ án khác. Bà K yêu cầu được hưởng phần đất giáp với ông Nguyễn Quốc T.

- Yêu cầu ông Đoàn Văn C bồi thường thiệt hại cho bà K số tiền là 3.801.000 đồng. Bà K căn cứ vào giấy mua bán lúa giống, phân bón và có người làm chứng là ông Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn L, Nguyễn Thành V và Nguyễn Thanh P.

Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn, yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cho rằng phần đất có diện tích 11.702m² đất chuyên trồng lúa nước (qua đo đạc thực tế là 14.287,2m²), thửa 1836, tờ bản đồ số 09, đất tọa lạc tại xã N, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Ông Đ yêu cầu được chia 1/2 diện tích. Đồng thời đối với diện tích đất còn lại yêu cầu chia đều thành 08 phần cho Đoàn Văn Đ, Đoàn Thị C, Đoàn Thị C, Đoàn Văn P, Đoàn Văn C, Đoàn Thị K, Đoàn Văn P và Đoàn Văn C mỗi người được hưởng 1/8, phía nguyên đơn không đồng ý theo yêu cầu phản tố của bị đơn, yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vì đây là đất do bà C nhận chuyển nhượng từ năm 1991 có người

làm chứng và được đứng tên GCN QSD đất. Trong trường hợp Tòa án xác định thửa đất này là di sản thừa kế do bà C chết để lại thì bà K sẽ thỏa thuận với bà C, nếu không sẽ khởi kiện bằng vụ kiện khác.

Đối với lộ đất nông thôn tại thửa đất số 424, 83, 1836 do Nhà nước quản lý không cấp QSD đất cho ai, phía nguyên đơn và người liên quan không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Đoàn Thị C, Đoàn Thị C, Đoàn Văn P đồng ý theo toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị K và yêu cầu chia di sản do bà Nguyễn Thị C chết để lại cụ thể như sau:

- Đối với diện tích 26.458,2m² (đo đạc thực tế 26.861,8m²) đất chuyên trồng lúa nước, thửa 1895, tờ bản đồ số 07, đất tọa lạc tại xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Bà C, bà C, ông P yêu cầu ông Đoàn Văn Đ và Đoàn Văn C chia 1/8 (diện tích 1.653,6m² theo đơn khởi kiện), nay yêu cầu được chia 1/8 là 1.678,8m² di sản thừa kế của mẹ là bà Nguyễn Thị C.

- Đối với diện tích 2.234m² gồm 2.047m² đất ở nông thôn thửa 1443 và 187m² đất LNK thửa 1448, (đo đạc thực tế 1.965.5m² nay là thửa đất số 424) tờ bản đồ số 01, đất tọa lạc tại xã N, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Bà C, bà C, ông P yêu cầu ông Đoàn Văn Đ và Đoàn Văn C chia 1/8 gồm diện tích 127,9m² đất ở nông thôn, thửa 1443 và diện tích 11,68m² đất LNK, thửa 1448 theo như đơn khởi kiện. Tại phiên tòa sơ thẩm, các đương sự yêu cầu chia 01 kỷ phần đất ở nông thôn là di sản thừa kế của mẹ là bà Nguyễn Thị C, phần đất giáp với ông Nguyễn Quốc T. Bà C yêu cầu được nhận diện tích là 114,2m², loại đất thổ, vị trí giáp với phần đất của ông Nguyễn Quốc T, bà C yêu cầu được nhận diện tích là 114,4m², loại đất thổ, vị trí giáp với bà C, ông P yêu cầu được nhận diện tích là 114,7m², loại đất thổ, vị trí giáp với bà C. Đối với cây trồng trên đất các đương sự với ông C thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này, nếu sau này phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

Đối với thửa đất số 1836 trong trường hợp Tòa án xác định thửa đất này là di sản thừa kế do bà C chết để lại thì ông P, bà C sẽ thỏa thuận với bà C, nếu không sẽ khởi kiện bằng vụ kiện khác. Hiện nay, bà Đoàn Thị C đã thanh toán số tiền vay tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam xong. Phía Ngân hàng cũng không có yêu cầu gì khác trong vụ án này, không yêu cầu Tòa án đưa Ngân hàng Nông nghiệp vào tham gia tố tụng trong vụ án này với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Bà Nguyễn Ngọc D đại diện cho nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nêu trên thống nhất với biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và sơ đồ đo đạc ngày 27, 28/02/2020, ngày 08/5/2020; Biên bản định giá tài sản ngày 06/8/2020 của Tòa án và Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện C. Từ thời điểm Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ và kiểm tra hiện trạng phần đất đến nay thì phần đất đang tranh chấp không có thay đổi gì về hiện trạng, kiến trúc cũng như cây trồng. Đối với chuồng heo tại thửa đất số 83 tờ bản

đồ số 09, đất tọa lạc tại xã N, huyện C, tỉnh Đồng Tháp, phía nguyên đơn không tranh chấp, nếu Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà K thì bà K tự tháo dỡ, di dời không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này. Đối với ông Nguyễn Đức D, anh Nguyễn Đức G thì không có ý kiến gì trong vụ án này.

Hiện tại GCN QSD đất của bà Đoàn Thị C do bà C đang giữ bản C, không có thể chấp, chuyển nhượng hay cầm cố cho ai. Đối với GCN QSD đất của hộ bà Nguyễn Thị C, hộ ông Đoàn Văn C do ông C đang giữ bản C không có thể chấp, chuyển nhượng hay cầm cố cho ai. Ngoài ra, các đương sự không tranh chấp gì khác. Bà D khẳng định ngoài các chứng cứ đã cung cấp cho Tòa án, không cung cấp thêm chứng cứ, hay người làm chứng nào khác, yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

- Ông Đoàn Văn P là đại diện theo ủy quyền của bị đơn Đoàn Văn Đ, Đoàn Văn C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Hồng S, đồng thời ông P là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án trình bày:

Ông Đ, bà C là vợ chồng, trong quá trình sống chung ông bà có 07 người con gồm: Đoàn Văn P, Đoàn Văn C, Đoàn Thị C, Đoàn Thị K, Đoàn Văn C, Đoàn Văn P và Đoàn Thị C ngoài ra không còn ai khác. Bà C chết ngày 15/9/2018 không để lại di sản. Trong quá trình sống chung ông Đ và bà C có tạo dựng được tài sản chung là nhà và đất bao gồm: Diện tích 14.606,9m² (đo đạc thực tế 13.760,7m²) đất chuyên trồng lúa nước, thửa 83, tờ bản đồ số 09; Diện tích 26.458,2m² (đo đạc thực tế 26.861,8m²) đất chuyên trồng lúa nước, thửa 1895, tờ bản đồ số 07; Diện tích 2.234m² gồm 2.047m² đất ở nông thôn thửa 1443 và 187m² đất LNK thửa 1448, (đo đạc thực tế 1.965,5m² nay là thửa đất số 424) tờ bản đồ số 01 và diện tích 11.702m² đất chuyên trồng lúa nước (qua đo đạc thực tế là 14.287,2m²), thửa 1836, tờ bản đồ số 09, đất tọa lạc tại xã N, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Đối với việc bà K là nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án yêu cầu ông Đoàn Văn Đ và Đoàn Văn C (là người đang quản lý di sản) chia di sản do bà C chết để lại thì ông P đồng ý một phần cụ thể như sau:

+ Đồng ý chia diện tích 26.458,2m² (đo đạc thực tế 26.861,8m²) đất chuyên trồng lúa nước, thửa 1895, tờ bản đồ số 07, đất tọa lạc tại xã N, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Bà K và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan yêu cầu ông Đoàn Văn Đ và Đoàn Văn C chia 1/8 (diện tích 1.653,6m² theo đơn khởi kiện), nay yêu cầu được chia 1/8 là 1.678,8m² phía giáp với mương thủy lợi, đây là di sản thừa kế của mẹ là bà Nguyễn Thị C để lại.

+ Đồng ý chia diện tích 2.234m² gồm 2.047m² đất ở nông thôn thửa 1443 và 187m² đất LNK thửa 1448, (đo đạc thực tế 1.965,5m² nay là thửa đất số 424) tờ bản đồ số 01, đất tọa lạc tại xã N, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Bà K yêu cầu

ông Đoàn Văn Đ và ông Đoàn Văn C chia 1/8 gồm diện tích 127,9m² đất ở nông thôn, thửa 1443 và diện tích 11,68m² đất LNK thửa 1448 theo như đơn khởi kiện. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà K yêu cầu được nhận diện tích là 115,0m², loại đất ở nông thôn; Bà C yêu cầu được nhận diện tích là 114,2m², loại đất ở nông thôn, vị trí giáp với phần đất của ông Nguyễn Quốc T: Bà C yêu cầu được nhận diện tích là 114,4m², loại đất ở nông thôn, vị trí giáp với bà C; Ông P yêu cầu được nhận diện tích là 114,7m², loại đất thổ, vị trí giáp với bà C thì ông P thống nhất vì đây là di sản thừa kế của mẹ là bà Nguyễn Thị C để lại. Ông P, ông C yêu cầu được nhận giá trị, ông Đ yêu cầu nhận diện tích đất còn lại.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu ông Đoàn Văn C bồi thường thiệt hại cho bà K số tiền là 3.801.000 đồng thì ông C không đồng ý. Đối với yêu cầu những người trong hàng thừa kế của bà C tiếp tục thực hiện hợp đồng tặng cho QSD đất giao cho bà Đoàn Thị K diện tích 14.606,9m² (đo đạc thực tế 13.760,7m²) đất chuyên trồng lúa nước, thửa 83, tờ bản đồ số 09, tọa lạc tại xã N, huyện C, tỉnh Đồng Tháp thì ông Đ, ông P, ông C không đồng ý. Đồng thời, ông cho rằng phần đất có diện tích 11.702m² đất chuyên trồng lúa nước (qua đo đạc thực tế là 14.287,2m²), thửa 1836, tờ bản đồ số 09, tọa lạc tại xã N, huyện C, tỉnh Đồng Tháp đây là phần đất của ông Đ và bà C tạo lập trong thời kỳ hôn nhân. Ông Đ yêu cầu được chia 1/2 diện tích, còn lại 1/2 diện tích yêu cầu chia đều thành 08 phần cho Đoàn Văn Đ, Đoàn Thị C, Đoàn Thị C, Đoàn Văn P, Đoàn Văn C, Đoàn Thị K, Đoàn Văn P và Đoàn Văn C mỗi người được hưởng 1/8, vì phần đất này là của ông ngoại tên Nguyễn Văn M cho bà Nguyễn Thị Minh N (Dừa), sau đó bà Dừa đã chuyển nhượng cho bà C, việc chuyển nhượng chỉ nói miệng, không có làm giấy tờ gì đến năm 1993 bà Đoàn Thị C đứng tên dùm bà C thôi.

Ông P thống nhất với biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và sơ đồ đo đạc ngày 27, 28/02/2020, ngày 08/5/2020; Biên bản định giá tài sản ngày 06/8/2020 của Tòa án và Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện C. Từ thời điểm Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ và kiểm tra hiện trạng phần đất đến nay thì phần đất đang tranh chấp không có thay đổi gì về hiện trạng, kiến trúc cũng như cây trồng. Hiện tại GCN quyền QSD đất của hộ bà Nguyễn Thị C, ông Đoàn Văn Đ do ông C đang giữ bản C không có thể chấp, chuyển nhượng hay cầm cố cho ai.

Ông P không đồng ý việc bà K sử dụng đất bà C từ xưa đến nay, ông C không có đe dọa, đâm chém bà K. Năm 2012, bà C có cho bà K vào làm phần đất của bà C đang đứng tên dùm trên GCN QSD đất, hàng năm có trả tiền thuê cho bà C nhưng không biết trả bao nhiêu tiền. Ngoài ra, không tranh chấp gì khác. Ông P khẳng định ngoài các chứng cứ đã cung cấp cho Tòa án, không cung cấp thêm chứng cứ, hay người làm chứng nào khác, yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đoàn Văn C trình bày:

Thống nhất hàng thừa kế của ông Đ, bà C gồm có 07 người con như trên ngoài ra không còn ai khác. Đối với diện tích 26.458,2m² (đo đạc thực tế 26.861,8m²) đất chuyên trồng lúa nước, thửa 1895, tờ bản đồ số 07, tọa lạc tại xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Ông C yêu cầu ông Đoàn Văn Đ và ông Đoàn Văn C chia 1/8 (diện tích 1.653,6m² theo đơn khởi kiện), nay yêu cầu được chia 1/8 là 1.678,8m² di sản thừa kế của mẹ là bà Nguyễn Thị C và yêu cầu được nhận phần đất giáp với phần đất của ông P. Đối với diện tích 2.234m² gồm 2.047m² đất ở nông thôn thửa 1443 và 187m² đất LNK thửa 1448, (đo đạc thực tế 1.965,5m² nay là thửa đất số 424) tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại xã N, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Ông C yêu cầu ông Đ và C chia 1/8 gồm diện tích 127,9m² đất ở nông thôn, thửa 1443 và diện tích 11,68m² đất LNK thửa 1448 theo như đơn khởi kiện. Theo đơn yêu cầu, ông C yêu cầu chia diện tích 122,8m² đất ở nông thôn, cây lâu năm là di sản thừa kế của mẹ là bà Nguyễn Thị C, ông yêu cầu được nhận giá trị đất theo định giá. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, ông C có ý kiến đối với thửa đất số 424 và thửa số 83, ông C không yêu cầu chia thừa kế, ông đồng ý chia đều phần thừa kế của ông cho những đồng thừa kế khác.

Đối với nguồn gốc đất của bà C đang đứng tên trên GCN QSD đất tại thửa đất 1836 là cha, mẹ bỏ tiền ra mua, nay ông yêu cầu chia di sản thừa kế này. Ông bán 05 công đất ở xã P cho bà K với giá 07 cây (70 chỉ) vàng 24 Kra, bà K đã giao đủ vàng cho ông C ngày 22/4/2004.

Ông C thống nhất với biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và sơ đồ đo đạc ngày 27-28/02/2020, ngày 08/5/2020; Biên bản định giá tài sản ngày 06/8/2020 của Tòa án và Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện C. Từ thời điểm Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ và kiểm tra hiện trạng phần đất đến nay thì phần đất đang tranh chấp không có thay đổi gì về hiện trạng, kiến trúc cũng như cây trồng. Ngoài ra, không tranh chấp gì khác. Ông C khẳng định ngoài các chứng cứ đã cung cấp cho Tòa án, không cung cấp thêm chứng cứ, hay người làm chứng nào khác, yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

- Các đương sự đều thống nhất không đưa UBND huyện C, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Tháp, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án này. Các đương sự cho rằng nguồn gốc thửa đất số 1895 là của cha, mẹ ông Đ để lại cho ông Đ; nguồn gốc thửa đất số 424, 83 là do cha, mẹ của bà C để lại cho bà C.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 26/2021/DS-ST ngày 22 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C đã xử:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự Đoàn Thị K, Đoàn Văn Đ, Đoàn Văn C, Đoàn Thị C, Đoàn Thị C, Đoàn Văn P, Đoàn Văn C, Đoàn Văn P đối với thửa đất 424 đất tọa lạc tại xã N và thửa 1895, tờ bản đồ số 07, tọa lạc tại xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Cụ thể:

1.1. Tại thửa đất số 424, tờ bản đồ số 9 đất tọa lạc tại xã N, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- Bà Đoàn Thị K được hưởng diện tích đất là 115,0m² trong phạm vi từ mốc A đến mốc B đến mốc B1 đến mốc A1 đến mốc A thuộc một phần thửa 424, tờ bản đồ số 09, đất tọa lạc tại xã N, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- Bà Đoàn Thị C được hưởng diện tích đất là 114,2m² trong phạm vi từ mốc 2 đến mốc 3 đến mốc D1 đến mốc D đến mốc 2 thuộc một phần thửa 424, tờ bản đồ số 09, đất tọa lạc tại xã N, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- Bà Đoàn Thị C được hưởng diện tích đất là 114,4m² trong phạm vi từ mốc C đến mốc D đến mốc D1 đến mốc C1 đến mốc D thuộc một phần thửa 424, tờ bản đồ số 09, đất tọa lạc tại xã N, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- Ông Đoàn Văn P được hưởng diện tích đất là 114,7m² trong phạm vi từ mốc B đến mốc C đến mốc C1 đến mốc B1 đến mốc B thuộc một phần thửa 424, tờ bản đồ số 09, đất tọa lạc tại xã N, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- Ông Đoàn Văn Đ được tiếp tục quản lý, sử dụng diện tích đất là 1507,2m² trong phạm vi từ mốc 1 đến mốc A đến mốc A1 đến mốc 4 đến mốc 5 đến mốc 6 đến mốc 1 thuộc một phần thửa 424, tờ bản đồ số 09, đất tọa lạc tại xã N, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- Ông Đoàn Văn C, ông Đoàn Văn P mỗi người được hưởng số tiền là 7.982.000đ. Ông Đoàn Văn Đ có nghĩa vụ giao cho ông P và ông C mỗi người số tiền là 7.982.000đ.

1.2. Tại thửa đất số 1895, tờ bản đồ số 07, đất tọa lạc tại xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- Bà Đoàn Thị K được hưởng diện tích đất là 1.678,8m² trong phạm vi từ mốc 17 đến mốc 18 đến mốc 19 đến mốc 20 đến mốc 17 thuộc một phần thửa 1895, tờ bản đồ số 07, đất tọa lạc tại xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- Bà Đoàn Thị C được hưởng diện tích đất là 1.678,9m² trong phạm vi từ mốc 1 đến mốc 25 đến mốc 23 đến mốc 24 đến mốc 1 thuộc một phần thửa 1895, tờ bản đồ số 07, đất tọa lạc tại xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp

- Bà Đoàn Thị C được hưởng diện tích đất là 1.678,9m² trong phạm vi từ mốc 21 đến mốc 22 đến mốc 23 đến mốc 24 đến mốc 21 thuộc một phần thửa 1895, tờ bản đồ số 07, đất tọa lạc tại xã P Thịnh, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- Ông Đoàn Văn P được hưởng diện tích đất là 1.678,9m² trong phạm vi từ mốc 19 đến mốc 20 đến mốc 21 đến mốc 22 đến mốc 19 thuộc một phần thửa 1895, tờ bản đồ số 07, đất tọa lạc tại xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- Ông Đoàn Văn Đ được hưởng diện tích đất là 13.430,9m² và 1.678,8m² trong phạm vi từ mốc 2 đến mốc 3 đến mốc 4 đến mốc 5 đến mốc 6 đến mốc 7

đến mốc 8 đến mốc 26 đến mốc 9 đến mốc 10 đến mốc 11 đến mốc 12 đến mốc 13 đến mốc 16 đến mốc 18 đến mốc 19 đến mốc 22 đến mốc 23 đến mốc 25 đến mốc 2 thuộc một phần thửa 1895, tờ bản đồ số 07, đất tọa lạc tại xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- Ông Đoàn Văn C được hưởng diện tích đất là 1.678,9m² trong phạm vi từ mốc 15 đến mốc 16 đến mốc 18 đến mốc 17 đến mốc 15 thuộc một phần thửa 1895, tờ bản đồ số 07, đất tọa lạc tại xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- Ông Đoàn Văn P được hưởng diện tích đất là 1.678,8m² trong phạm vi từ mốc 11 đến mốc 12 đến mốc 13 đến mốc 14 đến mốc 11 thuộc một phần thửa 1895, tờ bản đồ số 07, đất tọa lạc tại xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- Ông Đoàn Văn C được hưởng diện tích đất là 1.678,9m² trong phạm vi từ mốc 13 đến mốc 14 đến mốc 15 đến mốc 16 đến mốc 13 thuộc một phần thửa 1895, tờ bản đồ số 07, đất tọa lạc tại xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

2. Chấp nhận yêu cầu của bà Đoàn Thị K về việc buộc những người thuộc hàng thừa kế của bà Nguyễn Thị C là ông Đoàn Văn Đ, Đoàn Văn C, Đoàn Văn P, Đoàn Thị C, Đoàn Thị C, Đoàn Văn P, Đoàn Văn C tiếp tục thực hiện hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, giao cho bà Đoàn Thị K diện tích 14.606,9m² (đo đạc thực tế 13.760,7m²) đất chuyên trồng lúa nước, thửa 83, tờ bản đồ số 09, tọa lạc tại xã N, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Trong phạm vi từ mốc 1 đến mốc 2 đến mốc 3 đến mốc 4 đến mốc 5 đến mốc 6 đến mốc 1 thuộc thửa đất số 83, tờ bản đồ số 09, đất tọa lạc tại xã N, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

3. Không chấp nhận yêu cầu của ông Đoàn Văn Đ, ông Đoàn Văn C, ông Đoàn Văn P về việc chia thừa kế theo quy định của pháp luật tại thửa đất số 83, tờ bản đồ số 09, đất tọa lạc tại xã N, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

4. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị K về việc yêu cầu ông Đoàn Văn C bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm. Buộc ông Đoàn Văn C có nghĩa vụ bồi thường cho bà K số tiền là 3.801.000 đồng.

5. Chấp nhận yêu cầu của ông Đoàn Văn Đ, Đoàn Văn C, ông Đoàn Văn P và Đoàn Văn C về việc yêu cầu hộ bà Đoàn Thị C giao thửa đất số 1836, tờ bản đồ số 19 để chia thừa kế. Buộc hộ bà Đoàn Thị C gồm bà Đoàn Thị C, ông Nguyễn Đức D, anh Nguyễn Đức G giao thửa đất số 1836, tờ bản đồ số 19 để chia thừa kế. Cụ thể như sau:

- Ông Đoàn Văn Đ được hưởng diện tích đất là 8.036,5m² (7.143,7m² + 892,8m²) trong phạm vi từ mốc 5 đến mốc 6 đến mốc 7 đến mốc 8 đến mốc 21 đến mốc 22 đến mốc 5 thuộc một phần thửa 1836, tờ bản đồ số 19, đất tọa lạc tại xã N, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- Ông Đoàn Văn C được hưởng diện tích đất là 893,0m² trong phạm vi từ mốc 10 đến mốc 11 đến mốc 18 đến mốc 19 đến mốc 10 thuộc một phần thửa 1836, tờ bản đồ số 19, đất tọa lạc tại xã N, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- Ông Đoàn Văn P được hưởng diện tích đất là 892,9m² trong phạm vi từ mốc 8 đến mốc 9 đến mốc 20 đến mốc 21 đến mốc 8 thuộc một phần thửa 1836, tờ bản đồ số 19, đất tọa lạc tại xã N, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- Ông Đoàn Văn C được hưởng diện tích đất là 893,0m² trong phạm vi từ mốc 9 đến mốc 10 đến mốc 19 đến mốc 20 đến mốc 9 thuộc một phần thửa 1836, tờ bản đồ số 19, đất tọa lạc tại xã N, huyện C, tỉnh Đồng Tháp

- Giao cho bà Đoàn Thị C được tiếp tục quản lý diện tích đất là 3.571,8m² trong phạm vi từ mốc 4 đến mốc 15 đến mốc 16 đến mốc 17 đến mốc 18 đến mốc 11 đến mốc 12 đến mốc 13 đến mốc 14 đến mốc 3 đến mốc 4 thuộc một phần thửa 1836, tờ bản đồ số 19, đất tọa lạc tại xã N, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

(Kèm theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và Sơ đồ đo đạc ngày 27, 28/02/2020, ngày 08/5/2020 cùng 04 Sơ đồ trích đo khu đất tranh chấp ở xã P và ở xã N, huyện C của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Các đương sự được thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người có quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Đề nghị UBND huyện C thu hồi giấy GCN QSD đã cấp cho hộ bà Nguyễn Thị C vào ngày 09/7/2014, số BS35962, số vào sổ cấp GCN CH 01933; thu hồi GCN QSD đất đã cấp cho hộ bà Đoàn Thị C vào ngày 04/4/2014, số BP418963, số vào sổ cấp GCN CH 01813; Đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Tháp thu hồi GCN QSD đất đã cấp cho hộ bà Nguyễn Thị C vào ngày 05/02/2018, số CM658763, số vào sổ cấp GCN CS04384, thu hồi GCN QSD đất đã cấp cho hộ ông Đoàn Văn Đ vào ngày 08/9/2017, số CK421769, số vào sổ cấp GCN CS 03601; để cấp lại GCN QSD đất cho Đoàn Thị K, Đoàn Văn Đ, Đoàn Văn C, Đoàn Thị C, Đoàn Thị C, Đoàn Văn P, Đoàn Văn C, Đoàn Văn P.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Đoàn Thị K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.990.000đ, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 19.200.000đ theo biên lai thu số 0003622 ngày 29/11/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C, số tiền bà K được nhận lại là 14.210.000đ.

- Bà Đoàn Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 10.581.000đ, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.000.000đ theo biên lai thu số 0009770 ngày 06/3/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C, số tiền bà C phải nộp tiếp là 8.581.000đ.

- Bà Đoàn Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 10.580.000đ, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.000.000đ theo biên lai thu

số 0009770 ngày 06/3/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C, số tiền bà C phải nộp tiếp là 8.580.000đ.

- Ông Đoàn Văn P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 10.580.000đ, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.000.000đ theo biên lai thu số 0009771 ngày 06/3/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C, số tiền ông P phải nộp tiếp là 8.580.000đ.

- Ông Đoàn Văn C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 13.587.000đ, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.340.000đ theo biên lai thu số 0004024 ngày 20/8/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C, số tiền ông C phải nộp tiếp là 8.247.000đ.

- Ông Đoàn Văn P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 13.286.000đ, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.100.000đ theo biên lai thu số 0009726 ngày 25/02/2020, và biên lai thu số 0004026 ngày 20/8/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C, số tiền ông P phải nộp tiếp là 8.186.000đ.

- Ông Đoàn Văn C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 12.888.000đ, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.340.000đ theo biên lai thu số 0009769 ngày 06/3/2020 và biên lai thu số 0004025 ngày 20/8/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C, số tiền ông C phải nộp tiếp là 9.548.000đ.

- Ông Đoàn Văn Đ được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm do thuộc diện người cao tuổi.

7. Về chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản:

Do bà Đoàn Thị K và ông Đoàn Văn P đã tạm ứng và chi xong.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên thời hạn, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ, thời hiệu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 04/5/2021 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đoàn Thị C kháng cáo một phần bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp P thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm, theo hướng không chấp nhận yêu cầu của bị đơn về việc chia thừa kế đối với diện tích đo thực tế là 14.287,2m² đất trồng lúa nước, thửa 1836, tờ bản đồ số 09, tọa lạc tại xã N, huyện C, tỉnh Đồng Tháp do hộ bà Đoàn Thị C đứng tên. Ngày 06/5/2021 bị đơn ông Đoàn Văn Đ, ông Đoàn Văn C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đoàn Văn P đã kháng cáo toàn bộ nội dung bản án dân sự sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp P thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu phản tố và yêu cầu độc lập của ông Đ, ông C và ông P.

Tại phiên tòa P thẩm:

- *Luật sư Vũ T bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn ông Đoàn Văn Đ và ông Đoàn Văn C trình bày:*

+ Về nội dung kháng cáo: Bị đơn ông Đ và ông C kháng cáo yêu cầu Tòa án P thẩm chấp nhận yêu cầu phản tố của các bị đơn về việc chia thừa kế theo quy định của pháp luật tại thửa đất số 83, diện tích 14.606,9m² (đo đạc thực tế 13.760,7m²), đất chuyên trồng lúa nước, tờ bản đồ số 09, đất tại xã N, huyện C, tỉnh Đồng Tháp, các nội dung khác của bản án sơ thẩm các bị đơn không kháng cáo. Căn cứ kháng cáo là: Thửa đất 83 có nguồn gốc là của cha mẹ bà C để lại cho bà C, được cấp Giấy chứng nhận lần đầu vào ngày 20/8/1993 cho bà C và sau nhiều lần đính C, cấp đổi đã được UBND huyện C cấp Giấy chứng nhận vào ngày 05/02/2018 cho hộ bà C như hiện nay. Khi còn sống bà C giao cho bà K canh tác thửa đất này để có nguồn thu nhập. Mặc dù, khi còn sống bà C có đưa ra ý định là sẽ cho bà K một phần thửa đất này, tuy nhiên thửa đất 83 được cấp cho hộ bà C, đồng thời cũng là tài sản chung của bà C với ông Đ, vì thế việc tặng cho này phải tuân thủ về mặt hình thức theo quy định tại Điều 502 Bộ luật Dân sự và phải được các thành V trong hộ của bà C cũng như ông Đ đồng ý. Nay ông Đ là chồng của bà C và ông C là thành V trong hộ của bà C không đồng ý để bà K được nhận tặng cho thửa đất 83 này. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông Đ và ông C, theo đó chấp nhận yêu cầu phản tố của các Bị đơn về việc chia thừa kế theo quy định của pháp luật tại thửa đất số 83; Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Đoàn Thị K về việc buộc những người thuộc hàng thừa kế của bà C là ông Đ, C, P, C, C, P, C tiếp tục thực hiện hợp đồng tặng cho quyền sử dụng cho bà K tại thửa đất số 83;

+ Ngoài ra, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Đoàn Thị C xác định thửa đất 1836 là tài sản riêng của hộ bà C, không phải là di sản của bà C, nên bà C không đồng ý chia thừa kế theo quy định của pháp luật; Giữ nguyên Bản án sơ thẩm về nội dung buộc hộ bà C phải giao lại thửa đất 1836 để chia thừa kế theo pháp luật. Bởi lẽ, kháng cáo của bà C là không có căn cứ như: Thửa đất 1836 có nguồn gốc nhận chuyển nhượng ngày 01/4/1991 từ bà Nguyễn Thị Minh N, được cấp Giấy chứng nhận lần đầu vào ngày 20/8/1993 cho bà C và sau nhiều lần đính C, cấp đổi đã được UBND huyện C cấp Giấy chứng nhận vào ngày 04/4/2014 cho hộ bà C như hiện nay. Sau khi mua đất, mặc dù bà C đứng tên Giấy chứng nhận nhưng bà C mới là người trực tiếp canh tác, sử dụng phần đất này. Đến năm 2018, sau khi bà C chết thì bà C mới vào canh tác phần đất thửa 1836. Theo Biên bản hòa giải ngày 03/11/2016 do ấp N, xã N lập về việc ông C không cho bà C xạ lúa vụ Đông Xuân 2016-2017. Trong phiên hòa giải thì bà C và ông P xác định: Phần đất này là của bà C, còn bà C chỉ là người đứng tên giùm cho bà C. Bà C không có ý kiến phản bác đối với ý kiến của bà C và ông P về việc đứng tên, điều này cho thấy thửa đất 1836 này thực chất là của bà C.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đoàn Văn P, đồng thời ông P đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Đoàn Văn Đ, ông Đoàn Văn C

và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Hồng S trình bày: Thống nhất với toàn bộ nội dung trình bày của Luật sư Tuấn Anh như nêu trên, đồng thời yêu cầu Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông Đ, ông C và ông P về việc chia thừa kế theo quy định của pháp luật đối với thửa đất số 83 và không chấp nhận kháng cáo của bà C. Ông P đồng thời đại diện cho ông Đ, ông C rút một phần kháng cáo đối với QSD đất thửa 424, thửa 1895 do các đương sự đã thỏa thuận chia thừa kế, thửa 1836 do Tòa án sơ thẩm đã chia thừa kế, ngoài ra ông C cũng thống nhất rút kháng cáo đối với việc Tòa án sơ thẩm buộc ông C có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho bà K số tiền là 3.801.000 đồng.

- Bà Võ Thị N đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đoàn Thị C trình bày: Yêu cầu Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà C, xác định thửa 1836, diện tích đất 11.702m² (đo đạc thực tế là 14.287,2m²), đất chuyên trồng lúa nước, tờ bản đồ số 09, đất tọa lạc tại xã N, huyện C, tỉnh Đồng Tháp là tài sản của hộ bà C, chứ không phải là tài sản của bà C, ông Đ, theo đó sửa án sơ thẩm giao đất cho hộ bà C sử dụng. Bởi các căn cứ như: Nguồn gốc đất thửa 1836 là của ông M tặng cho bà N năm 1985. Năm 1991 bà N chuyển nhượng lại cho bà C, các bên có làm “Tờ nhượng quyền sử dụng đất ngày 01/4/1991”, với giá 3 lượng (30 chỉ) vàng 24 Kra và 80 gia lúa, những người biết việc này như ông Rành đã xác nhận vào Tờ nhượng đất, ông Hùng là con ruột bà N cũng thừa nhận bà N bán đất cho bà C chứ không phải bán đất cho bà C. Theo lời khai ông Quen cho rằng bà Muống (vợ ông Quen và là em bà C) đã nhường quyền mua đất của bà N (em bà C) cho cháu là bà C, do khi đó bà C đang trực tiếp thuê đất của bà N canh tác. Bà C đã canh tác đất liên tục từ năm 1991 đến năm 2014 thì bà C cho ông Đoàn Văn P thuê đất canh tác đến năm 2017, việc này đã được ông P thừa nhận có thuê đất của bà C từ năm 2014-2015 và từ năm 2016-2017, đến năm 2018 thì hộ bà C mới lấy đất lại canh tác cho đến nay, sự việc này cũng có xác nhận của những người canh tác đất lân cận như ông L, ông Đ; Sau khi nhận chuyển nhượng đất từ bà N thì bà C đã đăng ký, kê khai đất tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền và được cấp GCN QSD đất năm 1993, đến năm 2006 được cấp đổi thành thửa 1836 cho hộ bà Trần Thị C, sau đó được điều chỉnh tên lại là Đoàn Thị C, đến năm 2014 thì được cấp mới GCN QSD đất cho hộ bà Đoàn Thị C, sự việc này cha mẹ và các anh em trong gia đình bà C đều biết nhưng không ai tranh chấp; Biên bản hòa giải ngày 03/11/2016 bà C tranh chấp với ông C có nội dung thể hiện bà C cho rằng đất thửa 1836 chỉ cho bà C đứng tên dùm, thực chất đất là của bà C, nhưng trong Biên bản không có chữ ký của bà C, ngoài ra cũng có ý kiến của bà C trong Biên bản khẳng định bà C là người đứng tên GCN QSD đất và có quyền cho ai thuê đất. Ngoài ra, cũng có sự việc đổi đất giữa bà C và bà C giữa thửa 1836 và thửa 83 vào năm 2002 và các bên có đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục đổi đất và đăng ký đất, được thể hiện theo các biên bản như: Biên bản xác minh thông tin đất bà

Nguyễn Thị C ngày 9/4/2015 và Biên bản thống nhất vị trí cấp đổi sang bản đồ lưới tọa độ đất bà Nguyễn Thị C ngày 25/5/2016.

- **Bà Nguyễn Ngọc D đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Đoàn Thị K và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đoàn Thị C, ông Đoàn Văn P, ông Nguyễn Đức D và anh Nguyễn Đức G trình bày:** Kháng cáo của ông Đ, ông C và ông P là không phù hợp, yêu cầu Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của họ, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Bởi lẽ: Mặc dù thửa 83 do bà C đứng tên GCN QSD đất nhưng khi còn sống bà C đã tặng cho đất cho bà K, thể hiện theo Tờ trường trình của bà Nguyễn Thị C ngày 10/11/2016; Những người làm chứng như ông L, ông Đ và ông V đều xác nhận bà K được cho đất và canh tác từ năm 2004 cho đến khi ông C tự ý vào canh tác năm 2018; Theo lời khai của ông Đ, ông T (em bà C) đều khẳng định bà C đã cho đất bà K 9,5 công tầm cắt (thửa 83); Có sự việc bà C đổi đất với bà C, sau đó bà C đã tặng cho và giao đất cho bà K canh tác năm 2004, bà K đã xây dựng nhà ở, chuồng heo, trồng cây trên đất thửa 83; Ông C đã bán đất cho bà K 5 công do bà C cho với số vàng 7 cây (70 chỉ) vàng 24 Kra, ông C đã nhận đủ vàng từ bà K và có làm giấy nhận vàng; Các anh chị em của bà K như bà C, bà C, ông C và ông P đều thừa nhận cha mẹ đã cho đất bà K thửa 83. Ngoài ra, bà D đại diện cho ông D và anh G không đồng ý chia thừa kế thửa 1836, yêu cầu Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà C, xác định thửa 1836 là tài sản của hộ bà C.

- Tại phiên tòa P thẩm bà C cho rằng đang giữ GCN QSD đất thửa 1836; ông C cho rằng đang giữ GCN QSD đất thửa 424 và thửa 1895; bà K cho rằng đang giữ GCN QSD đất thửa 83. Các đương sự này không chuyển nhượng, cầm cố hoặc thế chấp cho tổ chức hay cá nhân nào.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử phúc thẩm Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ kiện. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm xét xử vụ kiện. Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử phúc thẩm các đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình và chấp hành đúng nội quy phiên tòa theo quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73, 76 và Điều 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Kháng cáo người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đoàn Thị C ngày 04/5/2021 và kháng cáo của bị đơn ông Đoàn Văn Đ, ông Đoàn Văn C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đoàn Văn P ngày 06/5/2021 là trong thời hạn luật định, nên được xem xét để xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

+ Về nội dung: Kiểm sát V đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Không chấp nhận kháng cáo của ông Đ, ông C và ông

P về việc yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với QSD đất thừa 83; Chấp nhận kháng cáo của bà C về việc yêu cầu xác định QSD đất thừa 1836 là tài sản của hộ bà C, theo đó sửa án sơ thẩm giao đất cho hộ bà C sử dụng và đình chỉ xét xử P thẩm đối với việc ông P đại diện cho ông Đ, ông C rút một phần kháng cáo đối với QSD đất thừa 424, thừa 1895 do các đương sự đã thỏa thuận chia thừa kế, thừa 1836 do Tòa án sơ thẩm đã chia thừa kế, và việc ông C rút kháng cáo đối với việc Tòa án sơ thẩm buộc ông C có nghĩa vụ bồi thường cho bà K số tiền là 3.801.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện C thụ lý và giải quyết sơ thẩm vụ án *“Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất, hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm”* là đúng quy định tại khoản 3, 5, 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a, c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án, tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm không xác định quan hệ tranh chấp QSD đất trong vụ án này được quy định tại khoản 9 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự là C đầy đủ về quan hệ tranh chấp, nhưng xét thấy quan hệ này đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét giải quyết trong vụ án, nên không được xem là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng để hủy án sơ thẩm, sẽ được Tòa án cấp P thẩm bổ sung nhằm đảm bảo đầy đủ và toàn diện khi giải quyết vụ án, nên quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là *“Tranh chấp quyền sử dụng đất, thừa kế quyền sử dụng đất, hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm”*. Sau khi xét xử sơ thẩm, ông Đoàn Văn Đ, ông Đoàn Văn C là bị đơn, ông Đoàn Văn P, bà Đoàn Thị C là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án không thống nhất bản án dân sự sơ thẩm số: 26/2021/DS-ST ngày 22 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C (còn viết tắt là bản án sơ thẩm) nên đã kháng cáo. Việc bà C nộp đơn kháng cáo ngày 05/5/2021 và ông Đ, ông C và ông P nộp đơn kháng cáo ngày 06/5/2021 là trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Đoàn Văn C vắng mặt sau khi được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông C theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Ông Đoàn Văn Đ và bà Nguyễn Thị C chung sống có 07 người con chung gồm: Đoàn Thị C, Đoàn Thị C, Đoàn Văn P, Đoàn Văn C, Đoàn Thị K, Đoàn Văn P và Đoàn Văn C. Bà C chết ngày 15/9/2018 không để

lại di C. Ông Đ và bà C được thừa hưởng đất của cha mẹ để lại gồm: QSD đất thửa 1895, diện tích 26.458,2m² (đo đạc thực tế 26.861,8m²), đất chuyên trồng lúa nước, tờ bản đồ số 07, tọa lạc tại xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp do hộ ông Đoàn Văn Đ đứng tên GCN QSD đất cấp ngày 08/9/2017 (viết tắt là thửa 1895); Thửa 1448, diện tích đất 2.234m² (gồm 2.047m² đất ở nông thôn thửa 1443 và 187m² đất LNK, đo đạc thực tế 1.965,5m² nay là thửa đất số 424), tờ bản đồ số 01 do hộ bà Nguyễn Thị C đứng tên GCN QSD đất cấp ngày 09/7/2014 (viết tắt là thửa 424) và thửa 83, diện tích đất 14.606,9m² (đo đạc thực tế 13.760,7m²), đất chuyên trồng lúa nước, tờ bản đồ số 09 do hộ bà Nguyễn Thị C đứng tên GCN QSD đất cấp ngày 05/02/2018 (viết tắt là thửa 83), đất thửa 424 và thửa 83 tọa lạc tại xã N, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Khi bà C còn sống thì ông Đ và bà C có chia đất ruộng cho các con như sau: Ông Đoàn Văn P: 05 công tầm cắt tại xã P, nhưng ông P không nhận đất mà nhận 07 cây (70 chỉ) vàng 24 kra, có làm giấy nhận vàng; Ông Đoàn Văn C: 05 công tầm cắt tại xã P (cho vào năm 2002); Bà Đoàn Thị K: 05 công tầm cắt tại xã N (cho vào năm 2004). Ông C chuyển nhượng (bán) 05 công đất ở xã P cho bà K với giá 07 cây (70 chỉ) vàng 24 kra, bà K đã giao đủ vàng ngày 22/4/2004 (Bà K trực tiếp quản lý canh tác thửa 83 từ năm 2004 cho đến năm 2018 thì ông C vào canh tác); Ông Đoàn Văn P: 07 công (9.296m²) tại xã P (cho năm 2013 và ông P đã đứng tên GCN QSD đất vào tháng 8/2016).

Đối với QSD đất thửa 1836, diện tích 11.702m² (đo đạc thực tế là 14.287,2m²), đất chuyên trồng lúa nước, tờ bản đồ số 09, đất tọa lạc tại xã N, huyện C, tỉnh Đồng Tháp, do hộ bà Đoàn Thị C đứng tên GCN QSD đất cấp ngày 04/4/2014 (viết tắt là thửa 1836) có nguồn gốc là do bà C nhận chuyển nhượng (mua) từ bà Nguyễn Thị Minh N (em ruột bà C) vào ngày 01/4/1991 (có làm giấy tay), hộ bà C canh tác đất đến năm 2015 thì cho Đoàn Văn P thuê canh tác trồng lúa đến năm 2017. Năm 2018 thì hộ bà C lấy đất lại canh tác trồng lúa cho đến nay.

[3] Hội đồng xét xử xét kháng cáo của các đương sự như sau:

3.1. Đối với kháng cáo của ông Đoàn Văn Đ, ông Đoàn Văn C và ông Đoàn Văn P cho rằng QSD đất thửa 83 là tài sản chung của ông Đ và bà C, trong đó ½ tài sản là của ông Đ, còn lại ½ tài sản là di sản của bà C, nên yêu cầu chia thừa kế di sản của bà C mỗi người đồng thừa kế được nhận 1/8, xét là không có cơ sở. Bởi các lẽ sau:

- Về nguồn gốc đất các đương sự trong vụ án đều cho rằng thửa đất số 83 là của cha mẹ bà C để lại cho bà C. Khi bà C còn sống, bà C đã chia đất cho các con, trong đó có cho ông C 5 công đất ở xã P, cho bà K 5 công ở xã N, do ông C bán đất lại cho bà K, nên bà C thống nhất cho bà K đổi đất để tiện canh, tiện cư, vì vậy bà K đã được bà C giao sử dụng toàn bộ thửa 83 (trùng ứng với diện tích đất bà C cho ông C và bà K) từ năm 2004, bà K đã xây dựng nhà ở, chuồng

heo, trồng cây trên đất mà không ai ngăn cản hay tranh chấp gì. Chỉ đến năm 2018 thì ông C mới vào chiếm giữ canh tác cho đến nay.

- Tờ trường trình của bà Nguyễn Thị C ngày 10/11/2016 có nội dung thể hiện bà C có cho đất bà K tại thửa đất số 83 để làm thủ tục sang tên GCN QSD đất cho bà K; Ông Đoàn Văn Đ thừa nhận bà C có cho đất bà K 9,5 công tầm cắt để canh tác trồng lúa (theo bản tự khai của ông Đ ngày 30/9/2020 và theo lời khai của ông Đ tại phiên tòa sơ thẩm ngày 12/4/2021) và theo bản tự khai của ông Nguyễn Quốc T (em bà C) cho rằng bà C có cho đất bà K, ông T là người trực tiếp vào đo đất 9,5 công tầm cắt của bà C để cho bà K canh tác và ông có tiếp đắp bờ đê như hiện nay. Hơn nữa, ông P thừa nhận việc bà C cho đất bà K tại biên bản hòa giải ngày 15/8/2019, ông C cũng thừa nhận có bán cho bà K 05 công đất ở xã P, ông C có ký tên vào tờ giấy nhận đủ vàng của bà K ngày 22/4/2004, sau đó bà C có cho đổi đất, để bà K được sử dụng toàn bộ thửa đất 83 tại xã N.

- Lời khai của những người làm chứng ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Văn Đ và ông Nguyễn Thành V (những người canh tác gần với đất thửa 83) đều cho rằng bà K vào canh tác phần đất này từ năm 2004. Bà K sử dụng đất liên tục đến năm 2018 mới phát sinh tranh chấp với ông Đoàn Văn C.

- Ông Đ và các anh chị em của bà K đều biết sự việc bà C đã tặng cho đất thửa 83 cho bà K và đã giao đất cho K sử dụng từ năm 2004 nhưng không ai phản đối hay tranh chấp. Nên cho thấy họ đã thống nhất việc tặng cho đất này và đã thống nhất để bà K được quyền sử dụng đất.

Vì vậy, xét việc Tòa án sơ thẩm xác định bà C và ông Đ đã tặng cho QSD đất thửa 83 cho bà K, nên không còn là tài sản chung của ông Đ, bà C và không chấp nhận yêu cầu của ông Đ, ông C và ông P về việc chia di sản thừa kế của bà C là có cơ sở.

3.2. Đối với kháng cáo của bà Đoàn Thị C yêu cầu xác định QSD đất thửa 1836 có nguồn gốc là của bà C mua của bà N năm 1991, là tài sản riêng của hộ bà C không còn là tài sản chung của ông Đ, bà C là có cơ sở. Bởi các lẽ sau:

- Bà C đã chứng minh được nguồn gốc đất thửa 1836 là do bà C nhận chuyển nhượng (mua) từ bà Nguyễn Thị Minh N (em ruột bà C) ngày 01/4/1991 (có giấy tay), việc này đã được con ruột bà N là ông Võ Thanh Hùng thừa nhận mẹ ông là bà N bán đất cho bà C chứ không phải bán đất cho bà C; Các ông Đoàn Văn Rành - Phó Ban tự quản ấp Thạnh Tiến, ông Nguyễn Văn Đây - Tổ trưởng ấp Thạnh Tiến và UBND xã N xác nhận vào Tờ nhượng QSD đất ngày 01/4/1991; ông Trần Văn Quen (em rể bà C, chồng bà Muồng) xác nhận việc vợ ông là bà Muồng (em bà C) đã nhường quyền mua đất này cho bà C từ bà N; Những người làm chứng gần đất như Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn Đ đã xác nhận việc bà C mua đất và sử dụng đất, bà C có cho bà C hưởng hoa lợi

từ tiền thuê đất của ông P đối với thửa 1836.

- Quá trình canh tác đất có sự kiện đổi vị trí sử dụng đất giữa đất bà C thửa 1900 (sau là thửa 83) với đất bà C thửa 1836, thể hiện theo Đơn xin xác minh hiện trạng sử dụng đất ngày 31/3/2015 của bà C; Biên bản xác minh thông tin đất bà Nguyễn Thị C ngày 9/4/2015 và Biên bản thống nhất vị trí cấp đổi sang bản đồ lưới tọa độ đất bà Nguyễn Thị C ngày 25/5/2016 do cán bộ địa C xã N là ông Trần Quốc Hậu lập, theo đó đều có nội dung thể hiện chủ sử dụng đất thửa 1836 là của bà C giáp ranh với thửa 83 của bà C.

- Sau khi bà C nhận chuyển nhượng đất từ bà Nguyễn Thị Minh N ngày 01/4/1991. Bà C đã kê khai, đăng ký và được UBND huyện C cấp GCN QSD đất cho bà Đoàn Thị C lần đầu vào ngày 20/8/1993 tại thửa đất số 1871. Ngày 27/10/2006 UBND huyện C cấp giấy GCN QSD đất cho hộ bà C thửa 1836. Đến ngày 04/4/2014, UBND huyện C cấp GCN QSD đất cho hộ bà Đoàn Thị C như hiện nay. Các lần cấp đổi GCN QSD đất cho bà C thì bà C, ông Đ và các con của bà C, ông Đ đều không tranh chấp, thậm chí bà C nhiều lần thế chấp đất này để vay tiền từ Ngân hàng cũng không ai tranh chấp.

- Những người trực tiếp canh tác đất của bà C như bà K, ông P (người thuê đất) đều thừa nhận đất thửa 1836 của hộ bà C.

- Phía ông Đ, ông C, ông P không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho việc bà C chỉ đứng tên dùm cho bà C thửa đất 1836, ngoài biên bản hòa giải ngày 03/11/2016 thể hiện bà C trình bày đất thửa 1836 thực tế là của bà C nhưng để cho bà C đứng tên dùm, đồng thời cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh được nguồn gốc số tiền mua đất từ bà N là của bà C, ông Đ.

Vì vậy, xét việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định bà C chỉ đứng tên dùm cho bà C thửa 1836, nên đã chia tài sản chung và chia di sản thừa kế của bà C cho những người thuộc hàng thừa kế của bà C là không phù hợp với tài liệu, chứng cứ các đương sự cung cấp và tình tiết khách quan của vụ án, không đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho hộ bà Đoàn Thị C.

[4] Từ cơ sở trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Điệp, ông C và ông P, giữ nguyên bản án sơ thẩm về việc buộc những người thuộc hàng thừa kế của bà C tiếp tục thực hiện hợp đồng tặng cho QSD đất, giao cho bà K QSD đất thửa 83. Chấp nhận kháng cáo của bà Đoàn Thị C, sửa bản án sơ thẩm theo hướng xác định thửa 1836 do hộ bà C đứng tên GCN QSD đất là tài sản của hộ bà C không phải là tài sản chung của ông Đ, bà C để chia thừa kế.

[5] Tại phiên tòa P thẩm ông P đồng thời đại diện cho ông Đ, ông C rút một phần kháng cáo đối với QSD đất thửa 424, thửa 1895 do các đương sự đã thỏa thuận chia thừa kế, thửa 1836 do Tòa án sơ thẩm đã chia thừa kế, ngoài ra ông C cũng thống nhất rút kháng cáo đối với việc Tòa án sơ thẩm buộc ông C

có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho bà K số tiền là 3.801.000 đồng. Xét đây là sự tự nguyện và quyền định đoạt của đương sự, nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử P thẩm đối với nội dung này.

[6] Đối với quan điểm và đề nghị của Kiểm sát V tại phiên tòa như nêu trên. Hội đồng xét xử xét thấy là có cơ sở và phù hợp pháp luật, nên được xem xét chấp nhận.

[7] Đối với đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn ông Đ, ông C tại phiên tòa như nêu trên. Hội đồng xét xử xét thấy là không có đủ cơ sở, nên không được chấp nhận.

[8] Về án phí: Do bản án sơ thẩm bị sửa, nên các đương sự kháng cáo không phải chịu án phí dân sự P thẩm.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Đoàn Văn Đ, ông Đoàn Văn C và ông Đoàn Văn P;

2. Đình chỉ xét xử P thẩm đối với việc ông Đ, ông C và ông P rút một phần kháng cáo đối với QSD đất thửa 424, thửa 1895, thửa 1836 và việc ông C rút kháng cáo đối với việc Tòa án sơ thẩm buộc ông C có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho bà K số tiền là 3.801.000 đồng.

3. Chấp nhận kháng cáo của bà Đoàn Thị C;

4. Sửa bản án dân sự sơ thẩm;

Áp dụng khoản 3, 5, 6, 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39, các Điều 91, 147, 148, 227, 228, 244 và Điều 246 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 459, 584, 585, 586, 588, 649, 650, 651, 660 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 26, 166, 167, 170, 179 và khoản 1 Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26 và Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

4.1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự Đoàn Thị K, Đoàn Văn Đ, Đoàn Văn C, Đoàn Thị C, Đoàn Thị C, Đoàn Văn P, Đoàn Văn C, Đoàn Văn P đối với thửa đất 424 đất tọa lạc tại xã N và thửa 1895, tờ bản đồ số 07, tọa lạc tại xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Cụ thể:

4.1.1. Tại thửa đất số 424, tờ bản đồ số 9 đất tọa lạc tại xã N, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- Bà Đoàn Thị K được hưởng diện tích đất là 115,0m² trong phạm vi từ mốc A đến mốc B đến mốc B1 đến mốc A1 đến mốc A thuộc một phần thửa 424, tờ bản đồ số 09, đất tọa lạc tại xã N, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- Bà Đoàn Thị C được hưởng diện tích đất là 114,2m² trong phạm vi từ mốc 2 đến mốc 3 đến mốc D1 đến mốc D đến mốc 2 thuộc một phần thửa 424, tờ bản đồ số 09, đất tọa lạc tại xã N, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- Bà Đoàn Thị C được hưởng diện tích đất là 114,4m² trong phạm vi từ mốc C đến mốc D đến mốc D1 đến mốc C1 đến mốc D thuộc một phần thửa 424, tờ bản đồ số 09, đất tọa lạc tại xã N, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- Ông Đoàn Văn P được hưởng diện tích đất là 114,7m² trong phạm vi từ mốc B đến mốc C đến mốc C1 đến mốc B1 đến mốc B thuộc một phần thửa 424, tờ bản đồ số 09, đất tọa lạc tại xã N, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- Ông Đoàn Văn Đ được tiếp tục quản lý, sử dụng diện tích đất là 1507,2m² trong phạm vi từ mốc 1 đến mốc A đến mốc A1 đến mốc 4 đến mốc 5 đến mốc 6 đến mốc 1 thuộc một phần thửa 424, tờ bản đồ số 09, đất tọa lạc tại xã N, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- Ông Đoàn Văn C, ông Đoàn Văn P mỗi người được hưởng số tiền là 7.982.000 đồng. Ông Đoàn Văn Đ có nghĩa vụ giao cho ông P và ông C mỗi người số tiền là 7.982.000 đồng.

4.1.2. Tại thửa đất số 1895, tờ bản đồ số 07, đất tọa lạc tại xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- Bà Đoàn Thị K được hưởng diện tích đất là 1.678,8m² trong phạm vi từ mốc 17 đến mốc 18 đến mốc 19 đến mốc 20 đến mốc 17 thuộc một phần thửa 1895, tờ bản đồ số 07, đất tọa lạc tại xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- Bà Đoàn Thị C được hưởng diện tích đất là 1.678,9m² trong phạm vi từ mốc 1 đến mốc 25 đến mốc 23 đến mốc 24 đến mốc 1 thuộc một phần thửa 1895, tờ bản đồ số 07, đất tọa lạc tại xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp

- Bà Đoàn Thị C được hưởng diện tích đất là 1.678,9m² trong phạm vi từ mốc 21 đến mốc 22 đến mốc 23 đến mốc 24 đến mốc 21 thuộc một phần thửa 1895, tờ bản đồ số 07, đất tọa lạc tại xã P Thịnh, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- Ông Đoàn Văn P được hưởng diện tích đất là 1.678,9m² trong phạm vi từ mốc 19 đến mốc 20 đến mốc 21 đến mốc 22 đến mốc 19 thuộc một phần thửa 1895, tờ bản đồ số 07, đất tọa lạc tại xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- Ông Đoàn Văn Đ được hưởng diện tích đất là 13.430,9m² và 1.678,8m² trong phạm vi từ mốc 2 đến mốc 3 đến mốc 4 đến mốc 5 đến mốc 6 đến mốc 7 đến mốc 8 đến mốc 26 đến mốc 9 đến mốc 10 đến mốc 11 đến mốc 12 đến mốc 13 đến mốc 16 đến mốc 18 đến mốc 19 đến mốc 22 đến mốc 23 đến mốc 25 đến mốc 2 thuộc một phần thửa 1895, tờ bản đồ số 07, đất tọa lạc tại xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- Ông Đoàn Văn C được hưởng diện tích đất là 1.678,9m² trong phạm vi từ mốc 15 đến mốc 16 đến mốc 18 đến mốc 17 đến mốc 15 thuộc một phần thửa 1895, tờ bản đồ số 07, đất tọa lạc tại xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- Ông Đoàn Văn P được hưởng diện tích đất là 1.678,8m² trong phạm vi từ mốc 11 đến mốc 12 đến mốc 13 đến mốc 14 đến mốc 11 thuộc một phần thửa 1895, tờ bản đồ số 07, đất tọa lạc tại xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- Ông Đoàn Văn C được hưởng diện tích đất là 1.678,9m² trong phạm vi từ mốc 13 đến mốc 14 đến mốc 15 đến mốc 16 đến mốc 13 thuộc một phần thửa 1895, tờ bản đồ số 07, đất tọa lạc tại xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

4.2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị K về việc buộc những người thuộc hàng thừa kế của bà Nguyễn Thị C là ông Đoàn Văn Đ, Đoàn Văn C, Đoàn Văn P, Đoàn Thị C, Đoàn Thị C, Đoàn Văn P, Đoàn Văn C tiếp tục thực hiện hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, giao cho bà Đoàn Thị K diện tích 14.606,9m² (đo đạc thực tế 13.760.7m²) đất chuyên trồng lúa nước, thửa 83, tờ bản đồ số 09, tọa lạc tại xã N, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Trong phạm vi từ mốc 1 đến mốc 2 đến mốc 3 đến mốc 4 đến mốc 5 đến mốc 6 đến mốc 1 thuộc thửa đất số 83 tờ bản đồ số 09 đất tọa lạc tại xã N, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

4.3. Không chấp nhận yêu cầu của ông Đoàn Văn Đ, Đoàn Văn C, Đoàn Văn P về việc chia thừa kế theo quy định của pháp luật tại thửa đất số 83, tờ bản đồ số 09, đất tọa lạc tại xã N, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

4.4. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị K về việc yêu cầu ông Đoàn Văn C bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm. Buộc ông Đoàn Văn C có nghĩa vụ bồi thường cho bà K số tiền là 3.801.000 đồng.

4.5. Không chấp nhận yêu cầu của ông Đoàn Văn Đ, Đoàn Văn C, ông Đoàn Văn P và Đoàn Văn C về việc yêu cầu hộ bà Đoàn Thị C giao thửa đất số 1836, tờ bản đồ số 19, tọa lạc tại xã N, huyện C, tỉnh Đồng Tháp để chia thừa kế.

Công nhận cho hộ bà Đoàn Thị C được tiếp tục sử dụng diện tích đất 11.702m² (đo đạc thực tế là 14.287,2m²), thửa 1836, đất chuyên trồng lúa nước, tờ bản đồ số 09, đất tọa lạc tại xã N, huyện C, tỉnh Đồng Tháp, do hộ bà Đoàn Thị C đứng tên GCN QSD đất cấp ngày 04/4/2014.

(Kèm theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và Sơ đồ đo đạc ngày 27, 28/02/2020, ngày 08/5/2020 cùng 04 Sơ đồ trích đo khu đất tranh chấp ở xã P và ở xã N, huyện C của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện C, tỉnh Đồng Tháp).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Các đương sự được thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người có quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Đề nghị UBND huyện C thu hồi GCN QSD đất đã cấp cho hộ bà Nguyễn Thị C vào ngày 09/7/2014, số BS35962, số vào sổ cấp GCN CH 01933; Đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Tháp thu hồi GCN QSD đất đã cấp cho hộ bà Nguyễn Thị C vào ngày 05/02/2018, số CM658763, số vào sổ cấp GCN CS04384, thu hồi GCN QSD đất đã cấp cho hộ ông Đoàn Văn Đ vào ngày 08/9/2017, số CK421769, số vào sổ cấp GCN CS 03601; để cấp lại GCN QSD đất cho bà Đoàn Thị K, ông Đoàn Văn Đ, ông Đoàn Văn C, bà Đoàn Thị C, bà Đoàn Thị C, ông Đoàn Văn P, ông Đoàn Văn C và ông Đoàn Văn P như đã nêu trên.

4.6. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Đoàn Thị K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.990.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 19.200.000 đồng, theo biên lai thu số 0003622 ngày 29/11/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Số tiền bà K được nhận lại là 14.210.000 đồng.

- Bà Đoàn Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 10.581.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.000.000 đồng, theo biên lai thu số 0009770 ngày 06/3/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Số tiền bà C phải nộp tiếp là 8.581.000 đồng.

- Bà Đoàn Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 10.580.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.000.000 đồng, theo biên lai thu số 0009770 ngày 06/3/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Số tiền bà C phải nộp tiếp là 8.580.000 đồng.

- Ông Đoàn Văn P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 10.580.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.000.000 đồng, theo biên lai thu số 0009771 ngày 06/3/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Số tiền ông P phải nộp tiếp là 8.580.000 đồng.

- Ông Đoàn Văn C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 13.587.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.340.000 đồng, theo biên lai thu số 0004024 ngày 20/8/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Số tiền ông C phải nộp tiếp là 8.247.000 đồng.

- Ông Đoàn Văn P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 13.286.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.100.000 đồng, theo biên lai thu số 0009726 ngày 25/02/2020 và biên lai thu số 0004026 ngày 20/8/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Số tiền ông P phải nộp tiếp là 8.186.000 đồng.

- Ông Đoàn Văn C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 12.888.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.340.000 đồng, theo

biên lai thu số 0009769 ngày 06/3/2020 và biên lai thu số 0004025 ngày 20/8/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Số tiền ông C phải nộp tiếp là 9.548.000 đồng.

- Ông Đoàn Văn Đ được miễn tiền án phí do thuộc diện người cao tuổi và có đơn xin miễn tiền án phí.

4.7. Về chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản:

Đối với thửa đất số 424, 1895, 83 là 15.779.000 đồng, bà Đoàn Thị K tự nguyện chịu. Đối với thửa đất số 1836 là 6.418.000 đồng, ông Đoàn Văn P tự nguyện chịu. Bà K và ông P đã nộp tạm ứng và đã chi xong.

5. Về án phí dân sự P thẩm:

- Bà Đoàn Thị C không phải chịu án phí dân sự P thẩm, nên được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu số BI/2019/0012599 ngày 05/5/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- Ông Đoàn Văn C và ông Đoàn Văn P không phải chịu án phí dân sự P thẩm, nên mỗi người được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu số BI/2019/0012615 ngày 06/5/2021 và biên lai thu số BI/2019/0012616 ngày 06/5/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án P thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Phòng GD-KT TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Đường sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS (N).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký và đóng dấu)
Ngô Tấn L

